TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÓC MÔN** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 500/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 06/5/2022
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Khanh

2. Bà Nguyễn Thị Tịnh Tâm

Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Như Oanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 1145/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 45/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1973 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: 42/4 ấp 2, xã A, huyện B, Thành phố C.

2. Bị đơn: Bà Hà Thị H, sinh năm 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: 18/4 ấp 2, xã A, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/6/2020, Bản tự khai ngày 17/12/2020; Biên bản lấy lời khai ngày 17/12/2020; Biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ ngày 15/3/2021 và ngày 05/5/2021; Biên bản về việc không tiến hành hòa giải được ngày 15/3/2021 và ngày 05/5/2021, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 1997, ông và bà H đã tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, hai bên có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn ngày

09/7/1997 tại UBND xã A, huyện B, Thành phố C.

Sau ngày cưới, vợ chồng ông chung sống tại 42/4 ấp 2, xã A, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Trong thời gian sống chung, vợ chồng ông đôi khi xảy ra mâu thuẫn nhưng cả hai đã tự hàn gắn để cùng nhau xây dựng gia đình. Tuy nhiên, đến cuối năm 2003 vợ chồng ông phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến, quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên gây gỗ, xúc phạm lẫn nhau, giữa ông và bà H không còn quan tâm, tôn trọng và yêu thương nhau nữa. Bà H đã chuyển về nhà cha mẹ ruột sinh sống và đôi bên cũng đã ly thân từ đó cho đến nay. Nhận thấy cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng khó hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông xin được ly hôn với bà H.

Về con chung: Ông và bà H có 03 con chung tên:

- Nguyễn Minh V, sinh ngày 30/7/1997;

- Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 20/5/1999;

- Nguyễn Thị Mỹ L, sinh ngày 26/9/2002;

Các con chung đều đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Ông khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn bà Hà Thị H, Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, giấy triệu tập nhưng bà H không đến Tòa án để tham gia vụ kiện. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử để Hội đồng xét xử xem xét quyết định.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn ông Nguyễn Văn T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Về phía bị đơn bà Hà Thị H, Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn bà H vẫn vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu ý kiến như sau:

*Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán:

Thẩm phán đã thực hiện đúng quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 về thẩm quyền thụ lý vụ án. Sau khi thụ lý vụ án, Thẩm phán đã ban hành thông báo thụ lý vụ án giao cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn và bị đơn theo đúng quy định tại Điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự. Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự về việc tiến hành lập hồ sơ hòa giải, gửi quyết định đưa vụ án ra xét xử đến Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn, tống đạt các văn bản tố tụng và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đúng thời hạn tại Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, còn vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định pháp luật về việc xét xử sơ thẩm vụ án được quy định tại các Điều 239, 243, 247, 248, 249, 250, 251, 252, 254, 258, 260 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

*Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông Nguyễn Văn T yêu cầu ly hôn với bà Hà Thị H. Đây là quan hệ pháp luật về "Ly hôn", căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là bà Hà Thị H hiện đang cư trú, sinh sống tại huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự tham gia của các đương sự:

Đối với nguyên đơn ông Nguyễn Văn T: Sau khi cung cấp lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, ông có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử nhận thấy việc vắng mặt của ông Tkhông gây ảnh hưởng hoặc làm thay đổi nội dung vụ án và phù hợp với Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 nên có cơ sở chấp nhận.

Đối với bị đơn bà Hà Thị H: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Giấy triệu tập, Quyết định đưa vụ án ra xét xử để thông báo thời gian mở phiên tòa vào lúc 9 giờ 00 phút ngày 12/4/2022 nhưng bà H vắng mặt. Tòa án đã ra Quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian mở lại phiên tòa vào lúc 14 giờ 00 phút ngày 06/5/2022 nhưng hôm nay bà H vẫn vắng mặt. Do vậy, Tòa án xét xử vắng mặt bà H là phù hợp với quy định Điều 227 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Văn T và bà Hà Thị H:

Vào năm 1997 ông Tvà bà H tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, hai bên có đăng ký kết hôn tại UBND xã A, huyện B, Thành phố C ngày 09/7/1997. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa ông Tvà bà H là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của ông Tthì thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng ông

bà chung sống hạnh phúc. Đến năm 2003 ông bà phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân là do bất đồng ý kiến, quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên gây gỗ, xúc phạm lẫn nhau, giữa ông và bà H không còn quan tâm, tôn trọng và yêu thương nhau nữa. Bà H đã chuyển về nhà cha mẹ ruột sinh sống và đôi bên cũng đã ly thân từ đó cho đến nay. Ông và bà H đã nhiều lần trao đổi để tạo sự hàn gắn gia đình nhưng không thành. Do đó, ông xin được ly hôn với bà H.

Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bà Hà Thị Hđến trụ sở Tòa án để giải quyết vụ án, nhưng bà H vắng mặt không lý do. Khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 quy định: *"Đương sự có nghĩa vụ đưa chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc".* Như vậy, bà H đã từ bỏ quyền chứng minh của mình. Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai của ông Tvà những tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ để làm cơ sở giải quyết vụ án. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Tvà bà H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên việc ông Txin được ly hôn với bà H là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung: Ông Tvà bà H có 03 con chung tên:

- Nguyễn Minh V, sinh ngày 30/7/1997;

- Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 20/5/1999;

- Nguyễn Thị Mỹ L, sinh ngày 26/9/2002.

Các con chung đều đã trưởng thành, ông Tkhông yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Ông Tkhai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về nợ chung: Ông Tkhai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 203; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Văn T được ly hôn với bà Hà Thị H.

2/ Về con chung:

- Nguyễn Minh V, sinh ngày 30/7/1997;

- Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 20/5/1999;

- Nguyễn Thị Mỹ L, sinh ngày 26/9/2002.

Các con chung đều đã trưởng thành, ông Tkhông yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3/ Về tài sản chung: Ông T khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4/ Về nợ chung: Ông T khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5/ Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, ông Nguyễn Văn T chịu, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0076618 ngày 02/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn. Ông T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặn bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND Tp.HCM;
- VKSND H.HM;
- Cơ quan THADS H.HM;
- UBND xã A, H.B, TP.C;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Mỹ Linh